

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CHK1
(Năm học: 2024 – 2025)
MÔN: TOÁN 5

NỘI DUNG CHỦ ĐỀ, MẠCH KIẾN THỨC	Số câu, số điểm và câu số	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng điểm	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1. SỐ HỌC - Khái niệm số thập phân - Phép tính đối với số thập phân và phân số	Số câu	3	1	1	1			5	2
	Câu số	1,2,3,4	8	7	9				
	Số điểm	2,5	1,0	1,0	1,5			3,5	2,5
2. ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG - Đơn vị đo độ dài, khối lượng, thời gian, diện tích.	Số câu			1				1	
	Câu số			6					
	Số điểm			1,0				1,0	
3. HÌNH HỌC - Diện tích hình tam giác, hình thang - Giải toán có liên quan đến các yếu tố hình học	Số câu			1			1	1	1
	Câu số			5			10		
	Số điểm			1,0			2,0	1,0	2,0
TỔNG	Số câu	4	1	3	1		1	7	3
	Số điểm	2,5	1,0	3,0	1,5		2,0	5,5	4,5
	Tổng điểm	3,5		4,5		2,0		10,0	

Trường TH Nguyễn Tất Thành Lớp: 5A...	ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HKI MÔN: TOÁN Năm học: 2024- 2025 (Thời gian làm bài 40 phút)
--	--

I. Trắc nghiệm

Câu 1. (M1-0,5đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Chữ số 9 trong số thập phân 48,749 có giá trị là:

- A. $\frac{9}{1000}$ B. $\frac{9}{100}$ C. $\frac{9}{10}$ **D. 9**

Câu 2. (M1-0,5đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Số lớn nhất trong các số: 5,907; 5,709; 5,509; 5,059 là:

- A. 5,709 B. 5,509 **C. 5,907** D. 5,059

Câu 3. (M1-0,5đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Phép nhân nhẩm $42,645 \times 100$ có kết quả là:

- A. 42645 B. 4,2645 C. 426,45 **D. 4264,5**

Câu 4. (M1-1) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Có một vòi nước chảy vào bể. Giờ thứ nhất vòi chảy được $\frac{1}{3}$ bể, giờ thứ hai vòi chảy được $\frac{2}{5}$ bể. Hỏi cả hai giờ vòi chảy được bao nhiêu phần của bể?

- A. $\frac{11}{15}$** B. $\frac{3}{8}$ C. $\frac{2}{15}$ D. $\frac{1}{15}$

Câu 5. (M2-1đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Một hình tròn có chu vi 40,82 cm. Diện tích hình tròn đó là:

- A. 42,25 cm² B. 13,2665 cm²
C. 132,665 cm² D. 132,665 dm²

Câu 6. (M2-1đ) Đúng điền Đ; sai điền S vào ô trống.

- a) 0,4 km = 4 000 m ☐ b) 3ha = 30 000 m² ☐
c) 16,3 kg = 16 300 g ☐ d) $\frac{2}{3}$ giờ = 40 phút ☐

Câu 7. (M2-1đ) Nối số ở hàng trên với số thích hợp ở hàng dưới:

7,050	$2\frac{3}{100}$	$\frac{53}{10}$	32,472
2,03	32,5	7,05	5,3

II. Tự luận

Câu 8: (M1-1đ) Đặt tính rồi tính.

a) $424,3 - 36,37$

.....
.....

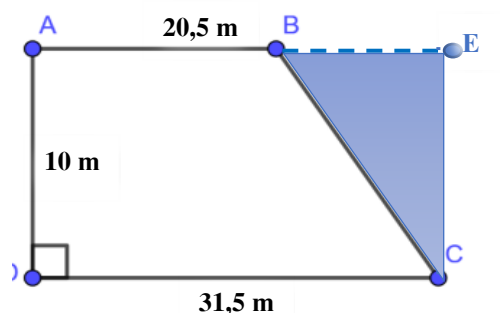
b) $3,4 \times 4,5$

.....
.....

Câu 9. (M2-1,5đ) Giá mua 2,5 kg táo hết 75 000 đồng. Bác Nam mua 5 kg táo cùng loại đó, bác đưa cho người bán hàng tờ tiền 200 000 đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại bác Nam bao nhiêu tiền?

Câu 10. (M3-2đ) Nhà An có một thửa ruộng hình thang ABCD có các kích thước như hình vẽ.

- Em hãy giúp An tính diện tích thửa ruộng.
- Bố An muốn mở rộng diện tích thửa ruộng thành hình chữ nhật. Tính diện tích phần mở rộng.



HƯỚNG DẪN CHẤM

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1,2,3 mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. Câu 4; 5 mỗi câu 1 điểm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
A	C	D	A	C

Câu 6: (M2-1đ) Học sinh điền đúng mỗi ý được 0,25đ

a) 0,4 km = 4000m

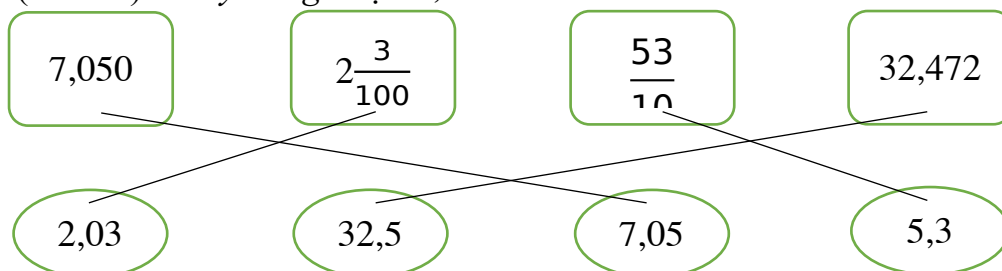
b) 3ha = 30000m²

c) 16,3 kg = 16300 g

d) $\frac{S}{5}$ ờ = 40 phút

$\frac{D}{5}$

Câu 7: (M2-1đ) Mỗi ý đúng được 0,25đ



B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Nội dung đáp án	Biểu điểm
Câu 8 (1,0 điểm)	a. $424,3 - 36,37 = 387,93$ b. $3,4 \times 4,5 = 15,3$ - Mỗi ý đúng cho 0,5 điểm: + Đặt tính 0,25 điểm + Tính đúng 0,25 điểm	0,5đ 0,5đ
Câu 9 (1,5 điểm)	Bài giải Mua một kg táo hết số tiền là: $75\ 000 : 2,5 = 30\ 000$ (đồng) Bác Nam mua 5 cân táo hết số tiền là: $30\ 000 \times 5 = 150\ 000$ (đồng) Người bán hàng phải trả lại bác số tiền là: $200\ 000 - 150\ 000 = 50\ 000$ (đồng) Đáp số: 50 000 đồng	0,5đ 0,25đ 0,5đ 0,25đ

Câu 10 (2 điểm)	Bài giải	
	a. Diện tích thửa ruộng là: $(20,5 + 31,5) \times 10 : 2 = 260 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5đ
	b. Diện tích thửa ruộng sau khi mở rộng là: $31,5 \times 10 = 315 \text{ m}^2$	0,5đ
	Diện tích phần mở rộng thêm là: $315 - 260 = 55 \text{ m}^2$ Đáp số: a. 260 m^2 b. 55 m^2	0,5đ 0,5đ

Duyệt của BGH

Người ra đề

Nguyễn Duy Thê

Nguyễn Thị Bích Hiền

Trần Thị Sáu

Trần Thị Bích

Đinh Thị Hà

Trường TH Nguyễn Tất Thành Họ và tên: Lớp: 5A...	BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HKI MÔN: TOÁN Năm học: 2024- 2025 <i>(Thời gian làm bài 40 phút)</i>
Điểm	Nhận xét của giáo viên
	

I. Trắc nghiệm

Câu 1. (0,5đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Chữ số 9 trong số thập phân 48,749 có giá trị là:

- A. $\frac{9}{1000}$ B. $\frac{9}{100}$ C. $\frac{9}{10}$ D. 9

Câu 2. (0,5đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Số lớn nhất trong các số: 5,907; 5,709; 5,509; 5,059 là:

- A. 5,709 B. 5,509 C. 5,907 D. 5,059

Câu 3. (0,5đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Phép nhân nhẩm $42,645 \times 100$ có kết quả là:

- A. 42645 B. 4,2645 C. 426,45 D. 4264,5

Câu 4. (1,0đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Có một vòi nước chảy vào bể. Giờ thứ nhất vòi chảy được $\frac{1}{3}$ bể, giờ thứ hai vòi chảy được $\frac{2}{5}$ bể. Hỏi cả hai giờ vòi chảy được bao nhiêu phần của bể?

- A. $\frac{11}{15}$ B. $\frac{3}{8}$ C. $\frac{2}{15}$ D. $\frac{1}{15}$

Câu 5. (1,0đ) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Một hình tròn có chu vi 40,82 cm. Diện tích hình tròn đó là:

- A. 42,25 cm² B. 13,2665 cm²
 C. 132,665 cm² D. 132,665 dm²

Câu 6. (1,0đ) Đúng điền Đ; sai điền S vào ô trống.

a) 0,4 km = 4 000 m ☐

b) 3ha = 30 000 m² ☐

c) 16,3 kg = 16 300 g ☐

d) $\frac{2}{3}$ giờ = 40 phút ☐

Câu 7. (1,0đ) Nối số ở hàng trên với số ở hàng dưới thích hợp:

7,050

$2\frac{3}{100}$

$\frac{53}{10}$

32,472

2,03

32,5

7,05

5,3

This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines, typical of primary-ruled notebook paper. The lines are evenly spaced and extend across the entire width of the page. There are no margins, text, or other markings present.

